TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ Số: 65/2022/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *T, ngày 18 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2022/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Chị Phùng Thị H**, sinh năm 1995;
  Địa chỉ: khu T 1, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn*: ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;
- *Bị đơn:* **Anh Hoàng Văn S**, sinh năm 1990.
  Địa chỉ: khu Tr 1, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn*: bà Đinh Thị H – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022 là hoàn 7toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn:** Giữa chị Phùng Thị H và anh Hoàng Văn S.
2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau**:
   a. *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Chị H và anh S có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Thanh Đ, sinh ngày 25/10/2014. Khi ly hôn, anh S được trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

b. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. *Về án phí:* Chị H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0007452 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho chị H 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã Th;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai